

**Hội thảo khoa học: Chủ tịch Hồ Chí Minh với con đường giải phóng dân tộc**

Nhân kỷ niệm 121 năm ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh (19/5/1890 – 19/5/2011) và tròn 100 năm ngày Người ra đi tìm đường cứu nước (5/6/1911 – 5/6/2011), vừa qua tại Hà Nội, Trường Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn (Đại học quốc gia Hà Nội), Khu di tích Hồ Chí Minh tại Phủ Chủ tịch, Bảo tàng Hồ Chí Minh và Nhà xuất bản Chính trị quốc gia – Sự thật đã phối hợp tổ chức Hội thảo khoa học "*Chủ tịch Hồ Chí Minh với con đường giải phóng dân tộc*". Hội thảo thu hút sự tham dự của đông đảo các học giả đến từ các cơ quan chủ trì và nhiều nhà nghiên cứu có quan tâm.

Hơn 70 tham luận gửi tới Hội thảo tập trung phân tích bối cảnh lịch sử của đất nước thời kỳ ấy, khi người thanh niên Nguyễn Tất Thành quyết tâm ra đi tìm con đường cứu nước khác với các bậc tiền bối trước đó, với tấm lòng yêu nước, thương dân sâu sắc và khát vọng giải phóng mãnh liệt. Nhiều tư liệu mới về hành trình tìm đường cứu nước và quá trình tìm ra chân lý của Chủ tịch Hồ Chí Minh đã được công bố tại Hội thảo. Các tham luận đã làm rõ mục đích và hành trình tìm đường cứu nước của Người.

Các đại biểu cũng phân tích làm rõ các yếu tố có liên quan, tác động đến sự lựa chọn con đường giải phóng dân tộc, con đường cách mạng vô sản của Hồ Chí Minh. Những nội dung cốt lõi của con đường giải phóng dân tộc trong tư tưởng Hồ Chí Minh, con đường độc lập dân tộc

gắn liền với chủ nghĩa xã hội là vấn đề được Hội thảo đặc biệt quan tâm, nhất là những điểm có tính chất cách mạng, phát triển sáng tạo chủ nghĩa Marx-Lenin của Người về cách mạng thuộc địa, về xây dựng Đảng, về đại đoàn kết dân tộc,...

Sự truyền bá chủ nghĩa Marx-Lenin và vai trò của Chủ tịch Hồ Chí Minh trong việc sáng lập, rèn luyện Đảng Cộng sản Việt Nam cũng như Nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hòa, những cống hiến vĩ đại của Người đối với cách mạng Việt Nam và phong trào cách mạng thế giới là một trong những nội dung quan trọng được thảo luận tại Hội thảo.

Những giá trị lý luận và thực tiễn trong tư tưởng Hồ Chí Minh về đạo đức, lối sống..., những giá trị hội tụ, kết tinh của văn hóa Đông-Tây trong tư duy, phong cách của Người cũng là những nội dung quan trọng được các đại biểu thảo luận nhằm giúp Đảng và Nhà nước ta vận dụng một cách phù hợp trong công cuộc xây dựng con người Việt Nam trong bối cảnh hội nhập quốc tế và toàn cầu hóa hiện nay.

PV.

**Hội thảo quốc tế: Mô hình chủ nghĩa xã hội: một số vấn đề lý luận và thực tiễn**

Trong hai ngày 25 và 26/4/2011 tại Hải Phòng, Viện Triết học thuộc Viện Khoa học xã hội Việt Nam và Học viện Chủ nghĩa Marx thuộc Viện Khoa học xã hội Trung Quốc đã phối hợp tổ chức Hội thảo quốc tế "*Mô hình chủ nghĩa xã hội: một số vấn đề lý luận và thực tiễn*".

Tham dự Hội thảo có đông đảo các học giả, các nhà nghiên cứu đến từ Viện Khoa học xã hội Việt Nam, Viện Khoa học xã hội Trung Quốc và một số học giả đến từ Viện Khoa học xã hội quốc gia Lào.

Hai năm trước tại Bắc Kinh, hai Viện cũng đã phối hợp tổ chức hội thảo "Những đóng góp mới về mặt lý luận của hai Đảng và hai nước", vì vậy Hội thảo lần này có thể coi là diễn đàn khoa học về chủ nghĩa Marx Việt-Trung lần thứ 2.

Nội dung Hội thảo xoay quanh 4 chủ đề chính là: Những vấn đề lý luận, phương pháp luận của việc nghiên cứu mô hình chủ nghĩa xã hội (CNXH); Những nội dung chính của mô hình tổng quát về CNXH mà Việt Nam và Trung Quốc đã, đang và sẽ xây dựng; Mô hình phát triển của từng lĩnh vực cụ thể; Mô hình chế độ dân chủ nhân dân mà Đảng nhân dân cách mạng Lào đề xuất có những nội dung gì và quan hệ với mô hình CNXH như thế nào.

Xây dựng đất nước theo mô hình CNXH của chủ nghĩa Marx-Lenin vẫn là sự lựa chọn đúng đắn của hai nước Việt Nam và Trung Quốc trong bối cảnh hiện nay. Sự sụp đổ của CNXH kiểu cũ ở Liên Xô và Đông Âu chỉ là sự sụp đổ của một mô hình CNXH cụ thể chứ không phải là sự sụp đổ của mô hình lý luận khoa học về CNXH, và càng không phải là sự sụp đổ của lý luận khoa học về CNXH. Quan trọng là mỗi nước cần vận dụng tinh tế vào điều kiện, tình hình cụ thể của nước mình cho phù hợp.

Các đại biểu khẳng định, mô hình CNXH mà mỗi nước đang xây dựng hiện nay là phù hợp, tuy nhiên trong thời đại toàn cầu hóa, một số vấn đề lý luận và

thực tiễn về CNXH cần phải được nghiêm túc nhìn nhận, nghiên cứu và đánh giá. Và quá trình cải cách, đổi mới, mở cửa là cần thiết để tìm kiếm và hoàn thiện mô hình mới về CNXH của mỗi nước. Không thể xây dựng một mô hình CNXH chung cho toàn thế giới, điểm then chốt là hai nước cần tìm ra con đường phù hợp cho riêng mình. Mỗi nước cần phải nghiên cứu từ thực tiễn và đồng thời nghiên cứu kinh nghiệm của các nước trên thế giới, kết hợp những yếu tố đó lại với nhau. Trên cơ sở đó, tư duy về những vấn đề chủ nghĩa Marx-Lenin đã trình bày về CNXH để bổ sung, phát triển nó trong tương lai.

Vấn đề đặc biệt thu hút sự chú ý của các học giả là 8 đặc trưng cơ bản của mô hình CNXH của Việt Nam và 10 đặc trưng cơ bản của CNXH đặc sắc Trung Quốc. Các học giả nhận định, mặc dù mô hình của hai nước không giống nhau nhưng mục tiêu thì không có nhiều khác biệt, đó là: dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh, hướng đến một xã hội không còn áp bức bóc lột. Ở Việt Nam, mô hình CNXH đã được trình bày trong Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên CNXH năm 1991 và đã được các đại hội X, XI của Đảng Cộng sản Việt Nam tiếp tục hoàn thiện và phát triển.

Chủ đề của Hội thảo lần này được đánh giá là cấp bách và hấp dẫn, chứa đựng nhiều vấn đề lý luận phức tạp. Đây cũng là cơ sở để mỗi nước nhìn nhận và đánh giá những vấn đề lý luận và thực tiễn đặt ra trong quá trình xây dựng mô hình CHXH trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập hiện nay.

*HOÀI PHÚC*

**Hội thảo “Đánh giá tình hình thực hiện Quy hoạch tổng thể phát triển du lịch Việt Nam giai đoạn 1995-2010”**

Vừa qua, tại Hà Nội, Viện Nghiên cứu phát triển du lịch đã chủ trì tổ chức Hội thảo “Đánh giá tình hình thực hiện Quy hoạch tổng thể phát triển du lịch Việt Nam giai đoạn 1995-2010”. Tham dự Hội thảo có Thứ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch Huỳnh Vĩnh Ái, Viện trưởng Viện Nghiên cứu phát triển du lịch Hà Văn Siêu, Tổng thư ký Hiệp hội du lịch Việt Nam Trần Tiến Nghị và đông đảo các đại biểu đại diện của lãnh đạo các Vụ, Văn phòng, đơn vị thuộc Tổng cục Du lịch, đại diện một số Bộ ban ngành liên quan, các Sở Văn hóa – Thể thao và Du lịch, các cán bộ, chuyên gia trong lĩnh vực du lịch.

Báo cáo “Đánh giá tổng quát việc thực hiện Quy hoạch tổng thể phát triển du lịch Việt Nam thời kỳ 1995-2010” trình bày tại Hội thảo cho thấy, trong giai đoạn này, du lịch Việt Nam đã cố gắng thực hiện những mục tiêu quy hoạch tổng thể đặt ra và đạt được những kết quả đáng ghi nhận. Chủ trương chính sách phát triển du lịch của Đảng và Nhà nước từng bước được thể chế hóa với sự ra đời của Pháp lệnh Du lịch (1999), Luật Du lịch (2005) và các văn bản quy phạm pháp luật đi kèm. Lượng khách du lịch quốc tế đến Việt Nam cũng không ngừng tăng lên. Nếu năm 1995 Việt Nam đón trên 1,3 triệu lượt thì năm 2000 đón trên 2,1 triệu lượt và năm 2010 là trên 5 triệu lượt.

Phát triển du lịch đã đóng góp tích cực vào việc thu hút đầu tư cho phát triển kinh tế-xã hội của đất nước. Tính đến tháng 11/2010, cả nước có khoảng 625 dự án đầu tư vào du lịch được cấp

phép với tổng vốn đăng ký đạt 12.285 tỷ USD. Thu nhập du lịch tăng từ 17.500 tỷ đồng năm 2000 lên trên 96.000 tỷ đồng vào năm 2010. Tới nay, ngành du lịch đã tạo ra việc làm cho trên 1,4 triệu lao động, trong đó có gần 1 triệu lao động gián tiếp; qua đó góp phần tích cực vào nỗ lực xoá đói giảm nghèo trong cả nước, đặc biệt ở những vùng sâu, vùng xa nơi có tiềm năng du lịch. Đồng thời, phát triển du lịch đã góp phần tích cực thúc đẩy sự phát triển của nhiều ngành kinh tế liên quan, đặc biệt là các ngành hàng không, xây dựng, sản xuất thủ công mỹ nghệ, làng nghề... Sự phát triển của du lịch Việt Nam cùng với các hoạt động quảng bá xúc tiến cũng đã góp phần tích cực vào nỗ lực đưa hình ảnh đất nước Việt Nam thân thiện, an toàn và mến khách đến với bạn bè quốc tế.

Bên cạnh những kết quả đạt được, Hội thảo cũng thẳng thắn nhìn nhận những tồn tại trong thực hiện các mục tiêu của Quy hoạch tổng thể, như: một số chỉ tiêu quan trọng về khách quốc tế, thu nhập du lịch, GDP du lịch chưa đạt so với dự báo. Tỷ trọng GDP du lịch giai đoạn 1995-2010 còn hạn chế, chưa thực sự tương xứng với mục tiêu đặt ra là trở thành ngành kinh tế mũi nhọn của đất nước. Năng lực cạnh tranh của du lịch Việt Nam còn thấp, còn thiếu những sản phẩm du lịch đặc thù, mang đậm bản sắc dân tộc, chất lượng sản phẩm chưa cao... Cùng với đó là tình trạng phát triển tự phát ở nhiều khu, điểm du lịch, chưa đáp ứng được nhu cầu đa dạng của khách du lịch; tính chuyên nghiệp còn hạn chế; sự gắn kết giữa các địa phương trong phát triển du lịch chưa được phát huy đầy đủ... Mặt khác, năng lực cạnh tranh của du lịch Việt Nam còn thấp; năm 2008, Việt Nam đứng thứ 97

trên tổng số 113 nước. Hoạt động phát triển du lịch theo lãnh thổ còn thiếu sự gắn kết giữa các địa phương; vai trò của Trung tâm du lịch với sự phát triển du lịch của vùng, tiểu vùng, các địa phương trong lãnh thổ chưa được phát huy đầy đủ. Hoạt động du lịch gắn với bảo tồn các giá trị tự nhiên và văn hóa lịch sử còn hạn chế; cảnh quan môi trường du lịch chưa được chú trọng bảo vệ; sự tham gia của cộng đồng vào hoạt động du lịch còn hạn chế, ảnh hưởng đến phát triển du lịch bền vững...

Hội thảo đã đặt ra những vấn đề quan trọng đối với du lịch Việt Nam trong tiến trình phát triển và hội nhập, cho thấy cần có cách nhìn nhận, đánh giá khoa học và thực tiễn hơn, cần có sự thay đổi mạnh mẽ hơn trong nhận thức xã hội về du lịch, để từ đó có những quyết sách mạnh mẽ, tạo bước bứt phá cho du lịch Việt Nam; đưa Việt Nam thực sự trở thành một điểm đến hấp dẫn, du lịch Việt Nam trở thành ngành kinh tế mũi nhọn, góp phần quan trọng vào phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, vào nỗ lực bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống dân tộc.

#### *KHÁNH CHI*

#### **Hội thảo quốc tế “Tiếp cận văn học châu Á từ lý thuyết phương Tây hiện đại: vận dụng, tương thích, thách thức và cơ hội”**

Trong 2 ngày, 14-15/3/2011, tại Hà Nội, Viện Văn học thuộc Viện Khoa học xã hội Việt Nam (VASS) đã phối hợp với Viện Harvard-Yenching và Quỹ giao lưu Văn hóa Nhật Bản Japan Foundation tổ chức Hội thảo quốc tế “Tiếp cận văn học châu Á từ lý thuyết phương Tây hiện đại: vận dụng, tương thích, thách thức và cơ hội”. Đây là Hội thảo quốc tế lần

thứ hai được phối hợp tổ chức giữa Viện Văn học và Viện Harvard-Yenching từ năm 2006 đến nay. Tham dự Hội thảo có đông đảo các nhà khoa học đến từ VASS, các viện nghiên cứu và trường đại học trong nước và quốc tế.

So với lịch sử hình thành nghiên cứu văn học và khoa học xã hội nhân văn thế giới, nghiên cứu văn học ở Việt Nam có điểm xuất phát muộn hơn. Tạo nên chuyên ngành khoa học này, bên cạnh truyền thống luận bình và thưởng thức văn chương Đông Á, tri thức khoa học phương Tây về khoa học xã hội và nhân văn có vai trò rất quan trọng. Gần một thế kỷ qua, quá trình tiếp nhận và ứng dụng tri thức cũng như phương pháp nghiên cứu văn học ở Việt Nam đã đạt được những thành tựu đáng kể trong việc phục hiện và kiến giải các giá trị dân tộc, cũng như giới thiệu và tiếp cận văn chương thế giới.

Tại Hội thảo, các đại biểu đã nghe 22 tham luận trình bày tại 3 tiểu ban, tập trung vào các nội dung: Những vấn đề chung của lý thuyết và vận dụng lý thuyết; Vận dụng lý thuyết phương Tây trong nghiên cứu văn học dân gian và văn học tiền hiện đại; Vận dụng lý thuyết phương Tây trong nghiên cứu văn học hiện đại.

Các đại biểu đồng tình với ý kiến cho rằng, từ cuối thế kỷ XIX trở đi khi châu Âu và phương Tây tiến sang châu Á và phương Đông bằng các cuộc thập tự chinh thì một cuộc tiếp xúc và giao lưu mang màu sắc cưỡng bức đã diễn ở hầu hết các nước. Nhiều quốc gia châu Á xem đây là tiền đề lịch sử dẫn đến cuộc hội nhập lần thứ nhất với phương Tây, trong đó quốc gia đầu tiên phải kể đến là Nhật Bản rồi đến các nước Trung

Quốc, Ấn Độ, Việt Nam và các quốc gia Nam Á.

Thành tựu của những nhà nghiên cứu tiên phong như trường hợp Trương Tửu vận dụng học thuyết Phân tâm học của S. Freud vào nghiên cứu Truyện Kiều; hay học thuyết mác xít vào nghiên cứu Nguyễn Công Trứ,... cho thấy lý thuyết phương Tây hiện đại không những tìm được đường đến Việt Nam mà còn tỏ ra có sự tương thích nhất định với các hiện tượng văn học dân tộc. Nhưng cũng có những sự vận dụng mới chỉ mang lại hiệu quả ở phạm vi khoa học văn học như những thử nghiệm lý thuyết. Trong tình hình tiếp xúc và lưu hành cùng lúc nhiều hệ thống lý thuyết như hiện nay, nếu việc tiếp thu vận dụng không thật nhuần nhuyễn, thấu đáo dễ dẫn đến tình trạng sống sót xô bồ, không đủ tỉnh táo để nhận ra một cách khách quan những điểm khả thủ và những điều bất cập của mỗi hệ thống.

Thực tiễn văn học Việt Nam và các nước châu Á cho thấy các lý thuyết phương Tây không chỉ có khả năng giải mã được các hiện tượng văn học nảy sinh dưới tác động, ảnh hưởng của phương Tây trong quá trình giao lưu và tiếp nhận, mà còn có khả năng giải mã được cả các hiện tượng văn học truyền thống mang đậm bản sắc riêng biệt và đặc thù của mỗi quốc gia. Tuy nhiên, trong khi thừa nhận khả năng của lý thuyết phương Tây, cũng phải đồng thời thừa nhận những ngoại lệ, những điểm mù mà lý thuyết không thể soi chiếu tới được.

Từ thực tiễn thế giới hiện đại, xu thế hội nhập đang được các quốc gia nhận thức là xu thế tất yếu, không thể đảo ngược được. Tuy nhiên, văn học với tư cách là một thành tố quan trọng của

cấu trúc văn hóa dân tộc, để tồn tại và phát triển, luôn phải tự khẳng định bằng một quy luật khác, đó là nỗ lực gặp gỡ với thế giới ở những giá trị cơ bản, giá trị chung và phải luôn giữ được nét độc đáo riêng, đặc trưng riêng của dân tộc.

Ánh sáng lý thuyết, cho dù là lý thuyết phương Tây hay lý thuyết phương Đông chỉ trở nên hữu dụng khi nó là công cụ khám phá, khai mở được các bí ẩn nghệ thuật, giúp người ta phát hiện được các quy luật nghệ thuật nội tại, những giá trị tiềm tàng của văn chương. Mặt khác, diệu năng của lý thuyết không làm tan biến thực thể văn chương mỗi dân tộc, biến tất cả những giá trị ấy chỉ còn là một hỗn hợp giống nhau, mà trái lại nó càng phải làm cho những độc đáo dân tộc của mỗi nền văn học trở nên rõ nét hơn, hấp dẫn hơn.

Qua diễn đàn Hội thảo này, các nhà khoa học ở các quốc gia có cơ hội xích lại gần nhau hơn trong một mối quan tâm chung, một hoài bão chung, đưa địa vị của lý thuyết lên tầm là “ý thức triết học của mỗi nền văn học”. Ở những góc độ tiếp cận khác, với những thực tế văn chương không giống Việt Nam, tham luận và các ý kiến trao đổi của các học giả đem đến cái nhìn đa chiều và kinh nghiệm quý giá cho việc nghiên cứu văn học của Việt Nam hiện tại cũng như trong tương lai.

Sau Hội thảo này, Viện Văn học và Viện Harvard-Yenching sẽ đồng tổ chức một đợt thuyết trình về “Văn học so sánh: lý thuyết và ứng dụng” từ ngày 16-19/3/2011 tại Viện Văn học.

HÀ AN